

Phụ lục VII

Định mức kinh tế-kỹ thuật: Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm của tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	Định mức lao động trực tiếp	456	
1	Định mức giờ công của lao động có chuyên môn	456	
*	Trình độ đại học	456	
-	Ban hành văn bản gửi các địa phương đề xuất chương trình xúc tiến thương mại hàng năm	0,17	
-	Tổng hợp đề xuất của các địa phương	0,17	
-	Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu để lập đề án	3	
-	Xây dựng đề án	28	
-	Ban hành tờ trình, chuẩn bị các giấy tờ liên quan, trình hội đồng thẩm định, Sở Công Thương xem xét phê duyệt	0,33	
-	Chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến Hội đồng thẩm định	0,33	
-	Soạn văn bản, liên hệ với các doanh nghiệp, hướng dẫn cho các doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ xây dựng thương hiệu	32	
-	Tổ chức họp các doanh nghiệp được hỗ trợ với đơn vị tư vấn để triển khai việc hỗ trợ xây dựng thương hiệu	8	
-	Hướng dẫn cho doanh nghiệp thực hiện các nội dung về xây dựng thương hiệu	80	
-	Giám sát các nội dung về xây dựng thương hiệu	288	
-	Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán	16	
2	Định mức giờ công của lao động phổ thông		
II	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ)	36	
*	Trình độ đại học (quản lý)	16	
-	Thực hiện phê duyệt các thủ tục liên quan (nếu có) để triển khai đề án; ký hợp đồng thực hiện đề án	8	
-	Chủ trì, theo dõi, giám sát thực hiện	4	
-	Xét duyệt hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán	4	
*	Trình độ đại học (phục vụ)	20	
-	Tham mưu thực hiện các thủ tục liên quan, ký kết hợp đồng	4	
-	Tham mưu thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, lưu trữ hồ sơ	16	

B. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn (<i>Bộ phận lao động trực tiếp thực hiện các nội dung công việc soạn thảo văn bản, báo cáo</i>)	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	77
2	Máy tính bàn (<i>Kế toán</i>)	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	10
3	Máy tính bàn (<i>Lãnh đạo</i>)	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	16
4	Máy in	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	77
5	Máy photo	Cấu hình thông số kỹ thuật thông thường	15,4

C. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
1	Xăng xe	Lít		7,5	0	100%
2	Giấy A4	Ram		1	50%	50%
3	Mực in	Hũ		1	75%	25%
4	Mực photo	Hũ		1	75%	25%
5	Bút viết	Cây		1	0	100%
6	Bìa đựng tài liệu	Cái		2	0	100%
7	Bấm giấy	Cái		1	90%	10%
8	Ghim bấm	Hộp		1	75%	25%
9	Kẹp giấy	Hộp		1	75%	25%
10	Băng keo	Cuộn		1	75%	25%